



HỒ SƠ CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN

Cơ sở công bố

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Y DƯỢC THĂNG LONG

Trụ sở: Lô CN-6, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, TP Hà Nội.

Cơ sở sơ sản xuất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Y DƯỢC THĂNG LONG

Cơ sở sản xuất: Lô CN-6, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, TP Hà Nội.

Tên vị thuốc cổ truyền

Vị thuốc cổ truyền Trần bì sao vàng

(Pericarpium Citi reticulatae perenne praeparatum)

Loại hình: Công bố tiêu chuẩn cơ sở vị thuốc cổ truyền

Năm: 2025

oMẫu số 02: Bản tự công bố tiêu chuẩn chất lượng vị thuốc cỏ truyền, dược liệu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG VỊ THUỐC CỎ TRUYỀN

Số: 16.CBVT/TL/2025

I. Thông tin về cơ sở công bố tiêu chuẩn chất lượng vị thuốc cỏ truyền

Tên cơ sở công bố: Công ty cổ phần Đông Y Dược Thăng Long

Địa chỉ: Lô CN-6, khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, TP Hà Nội

Điện thoại: 093 196 6388

E-mail: dongyduoctl@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0105061070

Số Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược 14/ĐKKDD-BYT ngày cấp 04/03/2024 nơi cấp Bộ y tế.

II. Thông tin về sản phẩm

- Tên vị thuốc cỏ truyền (tên khoa học): Trần bì sao vàng (*Pericarpium Citi reticulatae perenne praeparatum*).
- Nguồn gốc: Việt Nam
- Quy cách đóng gói: Túi 0,5 kg, 1kg, túi 2 kg, túi 5 kg.

III. Mức chất lượng công bố

- Chỉ tiêu chất lượng và mức chất lượng của từng chỉ tiêu chất lượng theo TCCS

STT	Chỉ tiêu chất lượng	Yêu cầu
1	Mô tả	Vị thuốc cỏ truyền là các sợi dài 2-5 cm, rộng 2 – 4 mm, màu vàng hoặc vàng nâu, mùi thơm đặc trưng
2	Bột	Phải có đặc điểm đặc trưng của bột Trần bì
3	Định tính	Phản có phản ứng định tính của Trần bì

4	Độ ẩm	Không quá 12,0 %.
5	Tro toàn phần	Không quá 5,0 %.
6	Tạp chất	Không quá 0,8 %.
7	Tro không tan trong acid	Không quá 1,0 %.
8	Định lượng	Vị thuốc chứa không ít hơn 3,5 % hesperidin ($C_{28}H_{34}O_{15}$) , tính theo chế phẩm khô kiệt

2. Bảng so sánh chỉ tiêu chất lượng và mức chất lượng:

Stt	Chỉ tiêu	Mức chất lượng công bố trong TCCS	Mức chất lượng của dược liệu trong Dược điển Việt Nam V	Ghi chú
1	Mô tả	Vị thuốc cổ truyền là các sợi dài 2-5 cm, rộng 2 – 4 mm, màu vàng hoặc vàng nâu, mùi thơm đặc trưng.	Vỏ cuộn lại hoặc quăn, dày 0,1 cm đến 0,15 cm, có mảnh còn vết tích của cuống quả. Mặt ngoài màu vàng nâu hay nâu nhạt, có nhiều chấm màu sẫm hơn và lõm xuống (túi tiết). Mặt trong xốp, màu trắng ngà hoặc hồng nhạt, thường lộn ra ngoài. Vỏ nhẹ, giòn, dễ bẻ gãy. Mùi thơm, vị hơi đắng, hơi cay	Thay đổi
2	Vi phẫu	Không có	Vỏ quả ngoài gồm 1 hàng tế bào nhỏ hình vuông, phía ngoài có lớp cutin và lỗ khí. Mô mềm vỏ quả giữa là những tế bào hình chữ nhật, thành mỏng. Rải rác có các tinh thể calci oxalat hình khối, hình quả trám, túi tiết tinh dầu to tròn hay hình trái xoan. Đôi khi nhìn thấy đám libe-gỗ theo chiều dọc. Lớp trong của vỏ	Thay đổi (Dược liệu đã chế biến thái sợi không phù hợp để thực hiện chỉ tiêu này).

			quả giữa cấu tạo bởi những tế bào hơi uốn lượn	
3	Bột	Tế bào vỏ quả ngoài hình nhiều cạnh, màu vàng nhạt, thành hơi dày. Mảnh mô mềm vỏ quả giữa gồm những tế bào thành mỏng, hình chữ nhật. Mảnh mạch vòng, mạch xoắn. Tinh thể calci oxalat hình khối hay hình quả trám.	Tế bào vỏ quả ngoài hình nhiều cạnh, màu vàng nhạt, thành hơi dày. Mảnh mô mềm vỏ quả giữa gồm những tế bào thành mỏng, hình chữ nhật. Mảnh mạch vòng, mạch xoắn. Tinh thể calci oxalat hình khối hay hình quả trám.	
4	Độ ẩm	Không quá 12,0 %.	Không quá 13,0 %.	Thay đổi
5	Định tính	Phương pháp sắc ký lớp mỏng: - <i>Bản mỏng: Silica gel GF254 đã hoạt hóa.</i> - <i>Dung môi khai triển (1): Ethyl acetat - methanol - nước (100 : 17 : 13).</i>	A. Cho 2 g bột dược liệu vào 1 bình nón 100 ml, thêm 10 ml <i>ethanol 96 % (TT)</i>, đun sôi hồi lưu trong cách thủy 10 min. Lọc lấy dịch lọc, chia làm 3 phần và làm các phản ứng sau: Lấy 2 ml dịch lọc, thêm một ít bột <i>magnesi (TT)</i>, 10 giọt <i>acid hydroclorid (TT)</i>, sau vài phút sẽ	Thay đổi (không thực hiện định tính bằng phản ứng hóa học).

	- Dung môi khai triển (2): Toluene - ethyl acetat - acid formic - nước (20:10:1:1). - Dung dịch thử: Lấy 0,3 g bột chế phẩm, thêm 20 ml methanol (TT). Đun sôi hồi lưu cách thủy trong 20 min, để nguội, lọc. Bốc hơi 5 ml dịch lọc đến còn 1 ml dùng làm dung dịch chấm sắc ký lớp mỏng. - Dung dịch đối chiếu: Hòa tan hesperidin chuẩn trong methanol 90 % (TT) để được dung dịch có chứa 1 mg/ml. -Dung dịch dược liệu đối chiếu: Nếu không có hesperidin chuẩn, lấy 0,3 g bột Trần bì (mẫu chuẩn), chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.	thấy xuất hiện màu đỏ. Lấy 2 ml dịch lọc, thêm vài giọt dung dịch sắt (III) clorid 5 % (TT), sẽ thấy xuất hiện màu xanh đen. Lấy 2 ml dịch lọc, thêm vài giọt dung dịch natri hydroxyd 5 % (TT), sẽ thấy xuất hiện màu vàng cam kèm theo một ít tủa. B. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4). Bản mỏng: Silica gel 60F254. Dung môi khai triển (1): Ethyl acetat - methanol - nước (100 : 17 : 13). Dung môi khai triển (2): Toluene - ethyl acetat - acid formic - nước (20 : 10 : 1 : 1). Dung dịch thử: Lấy 0,3 g bột dược liệu, thêm 20 ml methanol	
--	---	---	--

		- Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 2 -3 μl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký với dung môi khai triển (1) đến khi dung môi đi được 3 cm, lấy bản mỏng ra để khô trong không khí. Tiếp tục triển khai với hệ dung môi khai triển (2) đến khi dung môi đi được 8 cm, lấy bản mỏng ra để khô trong không khí. Phun <i>dung dịch nhôm clorid 1 % (TT)</i>. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. - Kết quả: Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có vết phát quang cùng màu sắc và giá trị Rf với vết hesperidin trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu hoặc có các vết phát quang cùng màu sắc và giá trị Rf với các vết trên sắc	(TT), đun hồi lưu trên cách thủy khoảng 20 min, để nguội, lọc. Bóc hơi 5 ml dịch lọc đến còn khoảng 1 ml làm dung dịch chấm sắc ký. <i>Dung dịch chất đối chiếu:</i> Hòa tan hesperidin chuẩn trong <i>methanol (TT)</i> để được dung dịch có nồng độ 1 mg/ml. <i>Dung dịch được liệu đối chiếu:</i> Nếu không có hesperidin chuẩn, lấy 0,3 g bột Trần bì (mẫu chuẩn), chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử. <i>Cách tiến hành:</i> Chấm riêng biệt lên bản mỏng 2 μl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký với dung môi khai triển (1) đến khi dung môi đi được 3 cm, lấy bản mỏng ra để khô trong không khí. Tiếp tục triển	
--	--	---	---	--

		ký đồ của dung dịch được liệu đối chiếu.	khai với hệ dung môi khai triển (2) đến khi dung môi đi được 8 cm, lấy bản mỏng ra để khô trong không khí. Phun <i>dung dịch nhôm clorid 1 % (TT)</i>. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết có huỳnh quang cùng màu sắc và giá trị R_f với các vết của hesperidin trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu hoặc phải có các vết cùng màu sắc và giá trị R_f với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch được liệu đối chiếu.	
6	Tro toàn phần	Không quá 5,0 %.	Không quá 5,0 %.	

7	Tro không tan trong acid hydrocloric	Không quá 1,0 %.	Không quá 1,0 %.	
8	Tạp chất	Không quá 0,8 %.	Không quá 1,0 %.	Thay đổi
9	Định lượng <i>Phương pháp HPLC</i>	Vị thuốc chứa không ít hơn 3,5 % hesperidin ($C_{28}H_{34}O_{15}$) , tính theo chế phẩm khô kiệt.	Dược liệu chứa không ít hơn 3,5 % hesperidin ($C_{28}H_{34}O_{15}$) , tính theo dược liệu khô kiệt.	

IV. Tài liệu đính kèm

1. TCCS vị thuốc cổ truyền của cơ sở công bố.
2. Bản sao Phiếu kiểm nghiệm chất lượng vị thuốc cổ truyền đạt chất lượng theo TCCS do cơ sở kiểm nghiệm nhà nước đạt GLP.
3. Bản sao tài liệu chứng minh nguồn gốc, xuất xứ của dược liệu theo qui định tại Điều 13 Thông tư 32/2025/TT/BYT (Bản cam kết về địa điểm nuôi trồng thu hái dược liệu).

Chúng tôi xin cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính pháp lý của hồ sơ công bố tiêu chuẩn chất lượng vị thuốc cổ truyền./.

Hà nội, ngày 25 tháng 10 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT
KIỂM GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Nhung





SỞ Y TẾ HÀ NỘI
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Y DƯỢC THĂNG LONG



TIÊU CHUẨN CƠ SỞ
VỊ THUỐC TRẦN BÌ SAO VÀNG

Số tiêu chuẩn: TCCS-20803/TL



TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Y DƯỢC THĂNG LONG	VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN TRẦN BÌ SAO VÀNG (<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne praeparatum</i>)	Mã số: TCCS-20803/TL Lần ban hành: 01
		Có hiệu lực từ ngày ký

Quyết định ban hành số: .../QĐ-TL ngày ... tháng ... năm 2025

1. YÊU CẦU KỸ THUẬT

1.1 Công thức cho 500 g thành phẩm:

STT	Nguyên liệu	Tên Latin	Khối lượng
1	Trần bì	<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>	500 g

1.2 Tiêu chuẩn nguyên phụ liệu:

STT	Nguyên liệu	Tên Latin	Tiêu chuẩn
1	Trần bì	<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>	Đạt tiêu chuẩn DDVN V

1.3 Chất lượng thành phẩm:

- 1.3.1. *Mô tả*: Vị thuốc cổ truyền là các sợi dài 2-5 cm, rộng 2 – 4 mm, màu vàng hoặc vàng nâu, mùi thơm đặc trưng.
- 1.3.2. *Bột*: Phải có đặc điểm đặc trưng của bột Trần bì.
- 1.3.3. *Độ ẩm*: Không quá 12,0 %.
- 1.3.4. *Định tính*: Phải có phản ứng định tính của Trần bì.
- 1.3.5. *Tro toàn phần*: Không quá 5,0 %.
- 1.3.6. *Tro không tan trong acid hydrocloric*: Không quá 1,0 %.
- 1.3.7. *Tạp chất*: Không quá 0,8 %.
- 1.3.8. *Định lượng*: Vị thuốc chứa không ít hơn 3,5 % hesperidin ($C_{28}H_{34}O_{15}$) , tính theo chế phẩm khô kiệt.

2. PHƯƠNG PHÁP THỬ

- 2.1 *Mô tả*: Kiểm tra bằng cảm quan, chế phẩm phải đạt yêu cầu đã nêu.
- 2.2 *Độ ẩm*: Thử theo DDVN V - phụ lục 12.13 .

2.3 Bột : tế bào vỏ quả ngoài hình nhiều cạnh, màu vàng nhạt, thành hơi dày. Mảnh mô mềm vỏ quả giữa gồm những tế bào thành mỏng, hình chữ nhật. Mảnh mạch vòng, mạch xoắn. Tinh thể calci oxalat hình khối hay hình quả trám.

2.4 Định tính:

Phương pháp sắc ký lớp mỏng

a. Hóa chất, thuốc thử :

- Bản mỏng *Silica gel GF₂₅₄*.
- *Ethyl acetat, methanol, Toluene, acid formic*.

b. Tiến hành :

- *Bản mỏng:* *Silica gel GF₂₅₄* đã hoạt hóa.
- *Dung môi khai triển (1):* *Ethyl acetat - methanol - nước (100 : 17 : 13)*.
- *Dung môi khai triển (2):* *Toluene - ethyl acetat - acid formic - nước (20:10:1:1)*.
- *Dung dịch thử:* Lấy 0,3 g bột chế phẩm, thêm 20 ml *methanol (TT)*. Đun sôi hồi lưu cách thủy trong 20 min, để nguội, lọc. Bốc hơi 5 ml dịch lọc đến còn 1 ml dùng làm dung dịch chấm sắc ký lớp mỏng.
- *Dung dịch đối chiếu:* Hòa tan hesperidin chuẩn trong *methanol 90 % (TT)* để được dung dịch có chứa 1 mg/ml.
- *Dung dịch được liệu đối chiếu:* Nếu không có hesperidin chuẩn, lấy 0,3 g bột Trần bì (mẫu chuẩn), chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử
- *Cách tiến hành:* Chấm riêng biệt lên bản mỏng 2 -3 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký với dung môi khai triển (1) đến khi dung môi đi được 3 cm, lấy bản mỏng ra để khô trong không khí. Tiếp tục triển khai với hệ dung môi khai triển (2) đến khi dung môi đi được 8 cm, lấy bản mỏng ra để khô trong không khí. Phun *dung dịch nhôm clorid 1 % (TT)*. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm.
- *Kết quả:* Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có vết phát quang cùng màu sắc và giá trị R_f với vết hesperidin trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu hoặc có các vết phát quang cùng màu sắc và giá trị R_f với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch được liệu đối chiếu.

2.5 Tro toàn phần: Thử theo ĐBVN V, phụ lục 9.8.

2.6 Tro không tan trong acid hydrocloric: Thử theo ĐBVN V, phụ lục 9.7.

2.7 Tạp chất : Thử theo ĐBVN V- Phụ lục 12.11.

2.8 Định lượng:

Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (Phụ lục 5.3).

Pha động: Acetonitrile – nước (22 : 78)

Dung dịch thử: Cân chính xác khoảng 0,2 g bột chế phẩm nửa thô vào bình nón nút mài, thêm 25 ml *methanol* (TT), đậy nắp và cân. Siêu âm trong 45 min, để nguội, cân lại. Bổ sung khối lượng mất đi bằng *methanol* (TT), lắc đều. Lọc qua màng lọc 0,45 μ m.

Dung dịch chuẩn: Hòa tan hesperidin chuẩn trong *methanol* (TT) để được dung dịch có nồng độ chính xác khoảng 0,4 mg/ml.

Điều kiện sắc ký:

Cột kích thước (25 cm $\times$ 4,6 mm) nhồi pha tĩnh C (5 μ m).

Detector quang phổ tử ngoại đặt tại bước sóng 283 nm.

Thể tích tiêm: 5 μ l.

Tốc độ dòng: 1,0 ml/min.

Cách tiến hành:

Kiểm tra tính phù hợp của hệ thống: Tiến hành sắc ký với dung dịch chuẩn, tính số đĩa lý thuyết của cột. Số đĩa lý thuyết của cột không được nhỏ hơn 2000 tính theo pic của hesperidin. Độ lệch chuẩn tương đối của diện tích pic hesperidin trong 6 lần tiêm lặp lại không được lớn hơn 2,0 %.

Tiến hành sắc ký với dung dịch chuẩn, dung dịch thử. Tính hàm lượng hesperidin trong chế phẩm dựa vào diện tích pic hesperidin trên sắc ký đồ của dung dịch chuẩn, dung dịch thử và hàm lượng ($C_{28}H_{34}O_{15}$) trong hesperidin chuẩn.

- *Hàm lượng (%) hesperidin ($C_{28}H_{34}O_{15}$) trong vị thuốc khô kiệt được tính theo công thức:*

$$X (\%) = \frac{S_T \times M_c \times K_T \times HL_c}{S_c \times M_T \times K_C (100\% - P)} \times 100$$

Trong đó:

- S_T : Diện tích pic hesperidin trên sắc ký đồ dung dịch thử.

- S_c : Diện tích pic hesperidin trên sắc ký đồ dung dịch hesperidin chuẩn.

- K_c : Độ pha loãng của dung dịch hesperidin chuẩn.

- K_T : Độ pha loãng của dung dịch thử.

- M_T : Khối lượng chế phẩm đem đi thử (g).

- M_c : Khối lượng hesperidin chuẩn (g).

-HLC: hàm lượng hesperidin trong chất chuẩn (%).

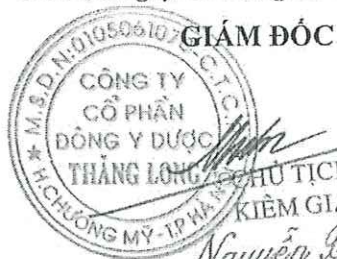
-P: Hàm lượng ẩm của vị thuốc (%).

Vị thuốc phải chứa không ít hơn 3,5 % hesperidin ($C_{28}H_{34}O_{15}$) tính theo chế phẩm khô kiệt.

3. BẢO QUẢN, GHI NHÃN, ĐÓNG GÓI

- Vị thuốc được đựng trong bao kín (túi PE và túi PA), đóng túi 0,5 kg, 1 kg, túi 2 kg, túi 5 kg.
- Nhãn rõ ràng, đúng quy định.
- Nhiệt độ không quá 30 °C, Độ ẩm không quá 70 %, tránh mốc, mọt.
- Hạn dùng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2025





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN Y
DƯỢC THĂNG LONG
Khu vực Quốc lộ 1A, Ngọc Hồi, Hà Nội
ĐT: 069583204-069583218

PHIẾU KIỂM NGHIỆM

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

SỐ KN: 25G-55

Mẫu để kiểm nghiệm: Trần bì sao vàng

Nơi sản xuất: Công ty cổ phần Đông y Dược Thăng Long

Số lô; NSX; hạn dùng: TL-N2080310825; 09/08/2025; 09/08/2027 Số ĐKSX:

Người và nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần Đông y Dược Thăng Long

Ngày nhận mẫu: 29/08/2025

Người nhận mẫu: Nguyễn Tiến Mạnh

Yêu cầu kiểm nghiệm: Kiểm tra chất lượng

Thử theo: TCCS số TCCS-20803/TL (Ban hành ngày 01/08/2025)

Tình trạng mẫu khi nhận và khi mở niêm phong để kiểm nghiệm:

Mẫu đóng gói trong túi nilon, hàn kín 500 g. Nhân đánh máy.

<u>YÊU CẦU</u>	<u>KẾT QUẢ</u>
1. Mô tả: Phải thể hiện đúng quy định	Đúng
2. Bột: Phải thể hiện đúng quy định	Đúng
3. Định tính: Trần bì (Phương pháp SKEM)	Đúng
4. Độ ẩm: $\leq 12,0\%$	Đạt (11,0 %)
5. Tro toàn phần: $\leq 5,0\%$	Đạt (4,2 %)
6. Tro không tan trong acid hydrochloric: $\leq 1,0\%$	Đạt (0,8 %)
7. Tạp chất: $\leq 0,8\%$	Đạt (0 %)
8. Định lượng: Vị thuốc chứa không ít hơn 3,5 % Hesperidin ($C_{28}H_{34}O_{15}$), tính theo chế phẩm khô kiệt	Đạt (4,8 %)

Kết luận: Mẫu gửi kiểm tra đạt yêu cầu chất lượng theo TCCS số TCCS-20803/TL (Ban hành ngày 01/08/2025).

Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC



ĐẠI TÁ, TS. NGUYỄN DUY CHÍ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2024

BẢN CAM KẾT

VỀ ĐỊA ĐIỂM NUÔI TRỒNG, THU HÁI, KHAI THÁC DƯỢC LIỆU

Kính gửi:

- Bộ Y tế (Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền)

- Sở Y tế

Mẫu số 07
Kèm theo TT38/2021/TT-BYT

Công ty cổ phần Đông Y Dược Thăng Long xin cam kết đã thu mua dược liệu tại các cơ sở/cá nhân nuôi trồng, thu hái, khai thác dược liệu, cụ thể như sau:

STT	Cơ sở/cá nhân nuôi trồng, thu hái, khai thác dược liệu	Địa điểm kinh doanh/ Hộ khẩu thường trú	Tên dược liệu (tên khoa học)	Diện tích trồng (m ²)	Địa điểm trồng	Sản lượng dự kiến (kg)	Thời điểm thu mua
1	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Ba kích (<i>Radix Morindae officinalis</i>)	500	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	1,000	Quanh năm
2	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Bạc hà (<i>Herba Menthae</i>)	500	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	500	Tháng 6 đến tháng 9
3	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Bạch biên đậu (Đậu ván trắng) (<i>Semen Lablab</i>)	5,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	500	Mùa thu, mùa đông
4	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Bách bộ (<i>Radix Stemonae tuberosae</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	3,000	Mùa thu
5	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Bạch chỉ (<i>Radix Angelicae dahuricae</i>)	1,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	10,000	Mùa hạ, mùa thu
6	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Bồ công anh (<i>Herba Lactucae indicae</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	2,000	Tháng 5 đến tháng 7

STT	Cơ sở/cá nhân nuôi trồng, thu hái, khai thác dược liệu	Địa điểm kinh doanh/ Hộ khẩu thường trú	Tên dược liệu (tên khoa học)	Diện tích trồng (m ²)	Địa điểm trồng	Sản lượng dự kiến (kg)	Thời điểm thu mua
7	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Cà gai leo (<i>Herba Solani procumbensis</i>)	5,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	5,000	Tháng 10, 11
8	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Cần khương (<i>Rhizoma Zingiberis</i>)	5,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	2,000	Tháng 6 đến tháng 8
9	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Cát căn (<i>Radix Puerariae thomsonii</i>)	5,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	15,000	Mùa thu, mùa đông
12	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Chỉ thực (<i>Fructus Aurantii immaturus</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	2,000	Tháng 5 đến tháng 6
13	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Chỉ xác (<i>Fructus Aurantii</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	3,000	Tháng 7 đến tháng 8
14	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Dây đau xương (<i>Caulis Tinosporae sinensis</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	5,000	Quanh năm
15	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Diệp cá (Ngư tinh thảo) (<i>Herba Houttuyniae cordatae</i>)	2,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	3,000	Quanh năm
16	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Diệp hạ châu (<i>Herba Phyllanthi urinariae</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	1,000	Quanh năm
17	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Đinh lăng (<i>Radix Polysciacis</i>)	2,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	500	Mùa thu, mùa đông
18	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Giáo cổ lam (<i>Herba Gynostematis pentaphylli</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	2,000	Mùa hạ
19	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Hà diệp (Lá sen) (<i>Folium Nelumbinis nuciferae</i>)	5,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	2,000	Mùa hè, mùa thu

STT	Cơ sở/cá nhân nuôi trồng, thu hái, khai thác dược liệu	Địa điểm kinh doanh/ Hộ khẩu thường trú	Tên dược liệu (tên khoa học)	Diện tích trồng (m ²)	Địa điểm trồng	Sản lượng dự kiến (kg)	Thời điểm thu mua
20	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Hà thủ ô đồ (<i>Radix Fallopiae multiflorae</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	5,000	Mùa thu
21	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Hoài sơn (<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	5,000	Mùa thu đông và đầu xuân
22	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Núc nác (<i>Cortex Oroxyli</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	2,000	Quanh năm
23	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Hồ đề hoa (<i>Flos Styphnolobii japonici immaturus</i>)	500	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	500	Mùa hạ
24	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Huyết giác (<i>Lignum Dracaenae</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	5,000	Quanh năm
25	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Hương phụ (<i>Rhizoma Cyperi</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	5,000	Quanh năm
26	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Hy thiêm (<i>Herba Siegesbeckiae</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	1,500	Tháng 4,5
27	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Ích mẫu (<i>Herba Leonuri japonici</i>)	5,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	1,500	Mùa hè
28	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Ké đầu ngựa (Quả) (<i>Fructus Xanthii strumarii</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	5,000	Mùa thu
29	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Kê huyết đằng (<i>Caulis Spatholobi suberecti</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	5,000	Mùa thu, mùa đông
30	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Kim ngân hoa (<i>Flos Lonicerae</i>)	4,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	2,000	Quanh năm

01050610
CÔNG
CỔ PHẦN
ÔNG Y D
HÀNG L

35061070
ÔNG TY
CỔ PHẦN
ÔNG Y D
HÀNG L
V. S. MỸ - TP.

STT	Cơ sở/cá nhân nuôi trồng, thu hái, khai thác dược liệu	Địa điểm kinh doanh/ Hộ khẩu thường trú	Tên dược liệu (tên khoa học)	Diện tích trồng (m ²)	Địa điểm trồng	Sản lượng dự kiến (kg)	Thời điểm thu mua
31	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Kim tiền thảo (<i>Herba Desmodii styracifolii</i>)	2,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	3,000	Mùa hạ, mùa thu
32	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Kinh giới (<i>Herba Elsholtziae ciliatae</i>)	1,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	1,000	Tháng 10-12
33	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Khương hoàng (<i>Rhizoma Curcumae longae</i>)	5,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	1,000	Tháng 10-12
34	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Uất kim (<i>Rhizoma Curcumae longae</i>)	5,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	1,000	Tháng 10-12
35	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Khôi (Lá) (<i>Folium Ardisiae</i>)	8,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	2,000	Mùa hạ
36	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Lạc tiên (<i>Herba Passiflorae foetidae</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	1,500	Mùa xuân, mùa hạ
37	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Liên nhục (<i>Semen Nelumbinis nuciferae</i>)	10,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	10,000	Mùa thu
38	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Liên tâm (<i>Embryo Nelumbinis nuciferae</i>)	10,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	5,000	Mùa thu
39	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Long nhãn (<i>Arillus Longan</i>)	15,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	10,000	Tháng 8-9
40	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Mạch môn (<i>Radix Ophiopogonis japonici</i>)	13,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	1,500	Mùa hạ
41	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Mận kinh tử (<i>Fructus Viticis trifoliae</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	10,000	Quanh năm

STT	Cơ sở/cá nhân nuôi trồng, thu hái, khai thác dược liệu	Địa điểm kinh doanh/ Hộ khẩu thường trú	Tên dược liệu (tên khoa học)	Diện tích trồng (m ²)	Địa điểm trồng	Sản lượng dự kiến (kg)	Thời điểm thu mua
42	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Ngải cứu (Ngải diệp) (<i>Herba Artemisiae vulgaris</i>)	5,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	5,000	Tháng 5 đến tháng 6
43	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Ngũ gia bì chân chim (<i>Cortex Schefflerae heptaphyllae</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	5,000	Quanh năm
44	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Ngưu tất (<i>Radix Achyranthis bidentatae</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	10,000	Mùa đông
45	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Nhân trần (<i>Herba Adenosmatis caerulei</i>)	7,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	2,000	Mùa hè
46	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Ô dược (<i>Radix Linderae</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	1,000	Quanh năm
47	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Quế chi (<i>Ramulus Cinnamomi</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	5,000	Mùa xuân, mùa hạ
48	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Quế (Vỏ thân, vỏ cành) (<i>Cortex Cinnamomi</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	3,000	Tháng 4 đến tháng 5, tháng 9 đến tháng 10
49	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Sa nhân (<i>Fructus Amomi</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	2,000	Mùa hạ, mùa thu
50	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Sinh khương (<i>Rhizoma Zingiberis recens</i>)	4,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	2,000	Mùa hạ, mùa thu
51	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Sơn tra (<i>Fructus Mali</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	2,000	Tháng 8 đến tháng 10
52	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Tang ký sinh (<i>Herba Loranthe paracitici</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	2,000	Quanh năm



STT	Cơ sở/cá nhân nuôi trồng, thu hái, khai thác dược liệu	Địa điểm kinh doanh/ Hộ khẩu thường trú	Tên dược liệu (tên khoa học)	Diện tích trồng (m ²)	Địa điểm trồng	Sản lượng dự kiến (kg)	Thời điểm thu mua
53	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Tỳ giải (<i>Rhizoma Dioscoreae</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	3,000	Mùa thu, mùa đông
54	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Thảo quyết minh (<i>Semen Sennae torae</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	1,000	Tháng 9 đến tháng 11
55	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Thiên niên kiện (<i>Rhizoma Homalomenae occulta</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	2,000	Mùa xuân, mùa thu
56	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Thổ phục linh (<i>Rhizoma Smilacis glabrae</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	5,000	Mùa hạ, mùa thu
57	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Trạch tả (<i>Rhizoma Alismatis</i>)	2,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	5,000	Mùa đông
58	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Trần bì (<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	1,000	Từ mùa đông đến mùa xuân
59	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Trinh nữ hoàng cung (<i>Folium Crini latifolii</i>)	5,000	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	1,000	Quanh năm
60	Nguyễn Huy Hùng	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	Ý dĩ (<i>Semen Coicis</i>)	Thu hái tự nhiên	Thôn Tân Hà, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.	5,000	Mùa thu

Trường hợp phát hiện có sự giả mạo, không đúng sự thật về các nội dung đã cam kết, cơ sở xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về nguồn gốc của dược liệu và sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật về kinh doanh dược liệu không có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.

CHỦ CƠ SỞ
(Viết rõ họ tên, đóng dấu)
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐÔNG Y ĐÔNG PHƯƠNG
THĂNG LONG
H. CHU LONG MỸ - TP. HÀ NỘI
CHỦ TỊCH HĐQT
KIỂM GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Nhung